

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 26 – 4 - 2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Đặng Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bé N, sinh năm: 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã P, huyện G, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Phạm Thành N, sinh năm: 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 39, khóm 2, phường 1, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé N trình bày và có yêu cầu như sau:***

Năm 2004, chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phạm Thành N kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, do điều kiện làm ăn nên vợ chồng anh chị sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh chị không có con nên anh N thường bỏ nhà đi, dần dần không quay về chung sống cùng chị Bé N. Chị N cũng quay về nhà cha mẹ sinh sống và vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị Bé N nhận thấy giữa chị và anh N không còn tình cảm với nhau nên không thể đoàn tụ

được. Chị Bé N yêu cầu được ly hôn với anh N.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

** Bị đơn anh Phạm Thành N vắng mặt tất cả các lần triệu tập của Tòa, nên không thu thập được lời khai.*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Huỳnh Thị Bé N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phạm Thành N tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phạm Thành N là hợp pháp.

Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị Huỳnh Thị Bé N và anh Phạm Thành N có phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay và hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của chị N và anh N không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Huỳnh Thị Bé N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Huỳnh Thị Bé N
Cho chị Huỳnh Thị Bé N được ly hôn với anh Phạm Thành N

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn Huỳnh Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0003059 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang